

Stroke Order of Characters in Lesson 2

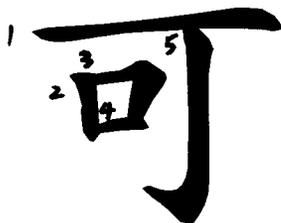
The number before each stroke indicates where the stroke starts as well as the stroke order.

		
shì	nán	de
		
nǚ	dì	xiǎo
		
mǎ (T)	mǎ (S)	dōu

		
chén (F)	shéi/shuí (F)	zhāng (F)
		
chén (S)	shéi/shuí (S)	zhāng (S)
		
zhè/zhèi (T)	xué (T)	shēng
		
zhè/zhèi (S)	xué (S)	lǎo

		
shī (T)	diǎn (T)	ér/~r (T)
		
shī (S)	diǎn (S)	ér/~r (S)
		
zěn	me (T)	yàng (T)
		
gāo	me (S)	yàng (S)

		
zhōng	duì (T)	nán (T)
		
wén	duì (S)	nán (S)
		
jǐn (T)	gè/ge (T)	gè/ge
		
jǐn (S)	yǐ	qián

		
xiàn (T)	xiàn (S)	zài
		
kàn	bào (T)	bào (S)
		
nà/nèi	dàn	kě
		
nǎ/něi	shén (T)	shén (S)

		
dōng (T)	dōng (S)	xī
		
shǒu	jī (T)	jī (S)
		
shū (T)	shū (S)	bāo
		
bǐ (T)	bǐ (S)	zǒu

		
chē (T)	sǎn (T)	guì (T)
		
chē (S)	sǎn (S)	guì (S)
		
zǐ/zi	zì	diǎn
		
xíng/háng	nín	

MIT OpenCourseWare
<http://ocw.mit.edu>

21G.107 / 21G.157 / 21G.181 Chinese I (Streamlined)
Fall 2014

For information about citing these materials or our Terms of Use, visit: <http://ocw.mit.edu/terms>.